

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Huê và bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Chí T, sinh năm 1973.

Địa chỉ nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người giám hộ của bị đơn: Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số H, đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Phạm Chí T quá trình tìm hiểu nhau được hai năm, sau đó hai bên hoàn toàn tự nguyện đến UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đăng ký kết hôn vào

ngày 18/01/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Vì vậy, chị **L** và anh **T** đã sống ly thân gần 18 năm và không có liên lạc gì với nhau và không còn tình cảm với nhau. Nguyên vọng của chị **L** muốn được ly hôn với anh **Phạm Chí T** để sớm ổn định cuộc sống bản thân. Về quan hệ con chung: Chị **L** trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là **Phạm Anh T1**, sinh ngày 22/10/1997. Hiện nay anh **T1** đã trưởng thành, có công việc ổn định, tự nuôi sống được bản thân. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

*Đối với bị đơn anh **Phạm Chí T***: Trước khi chị **L** làm đơn ly hôn anh **T** thì Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 03/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023 về việc tuyên bố anh **Phạm Chí T** là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi và chỉ định anh **Phạm Anh T1** (con đẻ) là người giám hộ cho anh **Phạm Chí T**. Hiện tại anh **Phạm Chí T** đang được chăm sóc và điều trị tại Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình. Anh **T** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2024, anh **T** trình bày quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung giống như chị **L** trình bày; anh **T** đồng ý ly hôn với chị **L** vì tình cảm vợ chồng không còn.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người giám hộ của bị đơn anh **Phạm Anh T1** trình bày*: Anh **T1** là con trai duy nhất của bà **Ngô Thị L** và ông **Phạm Chí T** và là người được chỉ định là người giám hộ của ông **Phạm Chí T** theo Quyết định số 03/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023 của **Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch**, tỉnh Quảng Bình. Bố mẹ của anh **T1** là ông **Phạm Chí T** và bà **Ngô Thị L** đã đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/1996 tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Tuy nhiên cuộc sống của hai bên không có hạnh phúc và bố mẹ sống ly thân đã lâu. Hiện tại bố anh, ông **T** đang là đối tượng được chăm sóc và điều trị tại Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình. Với tư cách là người giám hộ của ông **T**, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người giám hộ kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bà **Ngô Thị L** và ông **Phạm Chí T** là vợ chồng hợp pháp, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **xã Q, huyện Q, tỉnh**

**Quảng Bình** vào ngày 18/01/1996. Bà **L** trình bày, quá trình chung sống thời gian đầu hoà thuận hạnh phúc, bà cố gắng dung hoà cuộc sống vợ chồng, tìm ra tiếng nói chung giữa hai bên. Tuy nhiên, vẫn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 đến nay, không liên lạc, cũng không còn tình cảm với nhau. Ông **Phạm Chí T** là đối tượng tâm thần đặc biệt nặng, được vào nuôi dưỡng tại Trung tâm chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình. Ông **Phạm Chí T** đã được Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch tuyên bố khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi tại Quyết định số 03/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023. Quá trình chung sống giữa ông bà có 01 con chung là anh **Phạm Anh T1**, sinh ngày 22/10/1997. **Anh T1** đã trưởng thành, có công việc ổn định và có cuộc sống riêng. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung, cũng không cho ai vay nợ. Quá trình làm việc với Toà án, có sự tham gia của anh **Phạm Anh T1** (người giám hộ), bị đơn cho biết là vợ chồng ly thân đã hơn 20 năm, vợ chồng không còn tình cảm. Vì điều kiện sức khoẻ nên không tham gia phiên toà, mọi ý kiến của ông **T** sẽ giao lại cho anh **T1** trình bày. Ông **Phạm Chí T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, toàn bộ lời khai của ông đã được trình bày tại biên bản lấy lời khai với Toà án. Việc Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 69; khoản 4 Điều 147 và Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xét xử vắng mặt bị đơn là ông **Phạm Chí T**, chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Ngô Thị L**.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà **Ngô Thị L** và ông **Phạm Chí T**.

- Về quan hệ con chung: Đối với 01 con chung duy nhất của ông bà là anh **Phạm Anh T1**, sinh ngày 22/10/1997. **Anh T1** đã trưởng thành, có công việc ổn định và có cuộc sống riêng nên không xem xét vấn đề giao con chung cho ai nuôi và cũng không xem xét vấn đề cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà **Ngô Thị L** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Ngô Thị L** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh **Phạm Chí T**. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh **Phạm Chí T** đã được Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi và chỉ định anh **Phạm Anh T1** là người giám hộ cho anh **Phạm Chí T** theo Quyết định số 03/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023. Vì vậy, anh **Phạm Anh T1** là người tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ của anh **Phạm Chí T**.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tuy nhiên anh **Phạm Chí T** có đơn xin xét xử vắng mặt và có người giám hộ của anh **Phạm Chí T** là anh **Phạm Anh T1** có mặt tại phiên toà. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh **Phạm Chí T**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị L** và anh **Phạm Chí T** tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** vào ngày 18 tháng 01 năm 1996. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **L** và anh **T** là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẻ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị **L** và anh **T** đã không thực hiện được. Xét thấy giữa chị **L** và anh **T** không tồn tại đời sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cho chị **Ngô Thị L** được ly hôn anh **Phạm Chí T** là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống giữa chị **L** và anh **T** có 01 con chung tên là **Phạm Anh T1**, sinh ngày 22/10/1997. Hiện nay anh **T1** đã trên 18 tuổi, có công việc ổn định, tự nuôi sống được bản thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống chị **L** và anh **T** không tài sản chung, vợ chồng không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Ngô Thị L** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Ngô Thị L** được ly hôn anh **Phạm Chí T**.

2/ Về quan hệ con cái: Không xem xét.

3/ Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị **Ngô Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0002053 ngày 08/12/2023. Chị **L** đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người giám hộ của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/5/2024), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Tùng;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Sơn**









